

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07 /2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân và hạn mức giao đất ở cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 880/TTr-NNMT ngày 18 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân và hạn mức giao đất ở cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này Quy định chi tiết Luật Đất đai số 31/2024/QH15 về các nội dung: hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân do tự khai hoang trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 theo quy định tại khoản 4 Điều 139; hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 141; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 5 Điều 176; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 177; hạn mức giao đất ở tại nông thôn cho cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 195 và hạn mức giao đất ở tại đô thị cho cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 196 (sau đây gọi tắt là hạn mức giao đất ở).

2. Hạn mức giao đất ở quy định tại Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp nhà nước giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các trường hợp thuộc chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật số 31/2024/QH15; các trường hợp bán đấu giá quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất thuộc sở hữu của nhà nước; các khu đất phân lô đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy hoạch chi tiết xây dựng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quyền hạn và trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, cho

phép chuyển mục đích sử dụng đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

Điều 3. Hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân do tự khai hoang trước ngày 01 tháng 7 năm 2014

1. Hạn mức giao đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối: không quá 02 ha cho mỗi loại đất.

2. Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm:

a) Không quá 15 ha đối với các xã: Dân Hóa, Minh Hóa, Kim Điền, Tuyên Lâm, Tuyên Sơn, Đồng Lê, Thượng Trạch, Trung Thuần, Kim Phú, Phú Trạch, Phong Nha, Trường Sơn, Kim Ngân, Bến Quan, La Lay, Tà Rụt, Đakrông, Ba Lòng, Hướng Hiệp, Hướng Lập, Hướng Phùng, Khe Sanh, Tân Lập, Lao Bảo, Lìa, A Dơi và Tân Thành;

b) Không quá 05 ha đối với xã, phường còn lại và đặc khu Cồn Cỏ.

3. Hạn mức giao đất rừng phòng hộ; đất rừng sản xuất là rừng trồng: không quá 15 ha cho mỗi loại đất.

4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang gồm nhiều loại đất trong các loại đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất làm muối thì tổng hạn mức giao đất không quá 02 ha; trường hợp có thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức giao đất trồng cây lâu năm không quá 05 ha; trường hợp có thêm đất rừng sản xuất là rừng trồng thì hạn mức giao đất rừng sản xuất không quá 10 ha.

Điều 4. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993

1. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 như sau:

a) Tại các xã: Dân Hóa, Minh Hóa, Kim Điền, Tuyên Lâm, Tuyên Sơn, Đồng Lê, Thượng Trạch, Trung Thuần, Kim Phú, Phú Trạch, Phong Nha, Trường Sơn, Kim Ngân, Bến Quan, La Lay, Tà Rụt, Đakrông, Ba Lòng, Hướng Hiệp, Hướng Lập, Hướng Phùng, Khe Sanh, Tân Lập, Lao Bảo, Lìa, A Dơi và Tân Thành: 500,0 m²;

b) Tại các xã còn lại và đặc khu Cồn Cỏ: 400,0 m²;

c) Tại các phường: 300,0 m².

2. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 như sau:

a) Tại các xã: Dân Hóa, Minh Hóa, Kim Điền, Tuyên Lâm, Tuyên Sơn, Đồng Lê, Thượng Trạch, Trung Thuần, Kim Phú, Phú Trạch, Phong Nha, Trường Sơn, Kim Ngân, Bến Quan, La Lay, Tà Rụt, Đakrông, Ba Lòng, Hướng Hiệp, Hướng Lập, Hướng Phùng, Khe Sanh, Tân Lập, Lao Bảo, Lìa, A Dơi và Tân Thành: 400,0 m²;

b) Tại các xã còn lại và đặc khu Cồn Cỏ: 300,0 m²;



c) Tại các phường: 250,0 m².

Điều 5. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

1. Sử dụng vào mục đích trồng cây hằng năm, nuôi trồng thủy sản, làm muối: không quá 0,5 ha cho mỗi loại đất.

2. Sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm: không quá 01 ha.

3. Sử dụng vào mục đích đất rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất: không quá 05 ha cho mỗi loại đất.

Điều 6. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân

Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân không quá 10 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của cá nhân đối với mỗi loại đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 176 Luật số 31/2024/QH15.

Điều 7. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân

Hạn mức giao đất ở cho cá nhân được quy định cụ thể như sau:

1. Tại các xã: Dân Hóa, Minh Hóa, Kim Điền, Tuyên Lâm, Tuyên Sơn, Đồng Lê, Thượng Trạch, Trung Thuần, Kim Phú, Phú Trạch, Phong Nha, Trường Sơn, Kim Ngân, Bến Quan, La Lay, Tà Rụt, Đakrông, Ba Lòng, Hướng Hiệp, Hướng Lập, Hướng Phùng, Khe Sanh, Tân Lập, Lao Bảo, Lìa, A Dơi và Tân Thành: 400,0 m².

2. Tại các xã còn lại và đặc khu Cồn Cỏ: 250,0 m².

3. Tại các phường: 200,0 m².

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~15~~ tháng ~~11~~ năm 2026.

2. Các Quyết định, quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân và hạn mức giao đất ở cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

b) Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở, giao đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp; tách thửa, hợp thửa đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (cũ);

c) Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở, giao đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp; tách thửa, hợp thửa đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (cũ).

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NNMT;
- Vụ Pháp chế-Bộ NNMT;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nam